



Học phần: Tin học ứng dụng trong kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020024	Dương Phương	Anh	08/10/2004	KD10A	01	3,6	01	201	Anh	
2	000002	1001021472	Lục Thảo	Anh	29/02/2004	KD10A	01	9,5	02	202	Anh	
3	000003	1001020931	Nguyễn Minh	Anh	09/07/2004	KD10A	01	4,0	05	204	Anh	
4	000004	0810210183	Nguyễn Thị Huệ	Anh	09/07/2002	KD10A	01	4,0	04	203	Anh	
5	000005	1001020044	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	03/01/2003	KD10A	01	Not	13	211	Anh	
6	000006	1001020004	Nguyễn Tuấn	Anh	22/05/2000	KD10A	01	8,0	06	205	Anh	
7	000007	1001021513	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/12/2004	KD10A	01	5,0	07	206	Xuy	
8	000008	1001020067	Trần Thị Ngọc	Ánh	07/12/2003	KD10A	01	2,0	08	207	Anh	
9	000009	1001020073	Hà Linh	Chi	17/12/2004	KD10A	01	6,5	09	215	Chi	
10	000010	1001020077	Nguyễn Thanh	Chúc	02/08/2004	KD10A	01	4,5	10	214	Ch	
11	000011	1001021402	Vũ Phương	Đồng	10/01/2004	KD10A	01	7,0	11	213	Đ	
12	000012	1001020092	Đào Thị Thùy	Dương	05/11/2004	KD10A	01					ĐK
13	000013	1001020097	Phạm Thị Mỹ	Duyên	27/07/2004	KD10A	01					HP
14	000014	1001020102	Đặng Thị Thu	Hà	28/09/2004	KD10A	01	9,0	14	210	Hà	
15	000015	1001020111	Nguyễn Đức	Hải	23/09/2004	KD10A	01	9,5	17	216	Hải	
16	000016	1001020969	Hoàng Thu	Hiền	22/12/2004	KD10A	01	8,5	18	217	Hiền	
17	000017	1001020970	Trịnh Thị Ngọc	Hiền	24/11/2004	KD10A	01	6,0	20	219	Hiền	
18	000018	1001020974	Trần Thu	Hoài	14/09/2004	KD10A	01	7,5	22	220	Hoài	
19	000019	1001020134	Hoàng Thị	Huế	06/08/2004	KD10A	01	7,0	19	218	Huế	
20	000020	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	01	Not	20	222	Hùng	
21	000021	1001020140	Lan	Hương	08/07/2004	KD10A	01	8,0	35	217	Hương	
22	000022	1001020149	Lê Phương Khánh	Huyền	09/07/2004	KD10A	01	9,5	16	208	Huyền	HP
23	000023	1001021410	Trần Thị Thanh	Huyền	29/09/2003	KD10A	01	5,0	30	221	Đ	
24	000024	1001021360	Bùi Thị Thu	Lan	09/07/2004	KD10A	01	7,0	26	223	Lan	
25	000025	1001020162	Đỗ Phương	Liên	11/05/2004	KD10A	01	1,5	38	228	Liên	
26	000026	1001020166	Đồng Thị Ngọc	Linh	25/08/2004	KD10A	01					ĐK
27	000027	1001020178	Thân Ánh	Linh	20/09/2004	KD10A	01	6,0	34	226	Linh	
28	000028	1001020179	Trần Như	Linh	20/12/2004	KD10A	01	9,5	15	209	Lh	
29	000029	1001020185	Nguyễn Khánh	Ly	03/09/2004	KD10A	01	8,5	12	212	Ly	
30	000030	1001021017	Nguyễn Ngọc	Mai	19/03/2004	KD10A	01	4,5	39	225	Md	
31	000031	1001021409	Vũ Thị Phương	Mai	25/08/2003	KD10A	01	9,5	33	225	Nlai	
32	000032	1001020212	Trần Ánh	Ngân	12/08/2004	KD10A	01	Không	25	224	Ngân	

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 2

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ngày 20 tháng 08 Năm 2025

Cán bộ coi thi 2



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN

HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tin học ứng dụng trong kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000033	1001020213	Trần Thị	Ngân	09/11/2004	KD10A	01	9,0	01	201	Ngân	
2	000034	1001020220	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	20/11/2004	KD10A	01	7,0	10	213	Ngọc	
3	000035	1001020226	Bùi Thị Lan	Nhi	08/07/2004	KD10A	01	9,5	03	202	Nhi	
4	000036	1001021036	Ngô Thị Yến	Nhi	11/12/2004	KD10A	01	không	04	203	Nhi	
5	000037	1001021038	Hà Thị	Nhung	04/02/2004	KD10A	01	9,0	05	204	Nhung	
6	000038	1001020244	Trần Thực	Oanh	30/03/2004	KD10A	01	9,0	06	205	Oanh	
7	000039	1001020264	Phạm Như	Quỳnh	23/10/2004	KD10A	01	8,0	07	206	Quỳnh	
8	000040	1001020685	Đào Diễm	Tâm	23/10/2004	KD10A	01	không	08	207	Tâm	
9	000041	1001020275	Khúc Phương	Thảo	21/12/2004	KD10A	01	7,0	16	208	Thảo	
10	000042	1001021057	Nguyễn Phương	Thảo	16/10/2004	KD10A	01	3,0	15	209	Thảo	
11	000043	1001020284	Nhạc Thị Thanh	Thảo	15/02/2004	KD10A	01	2,3	14	210	Thảo	
12	000044	1001021064	Trịnh Anh	Thơ	29/08/2004	KD10A	01	9,5	13	211	Thơ	
13	000045	1001020294	Vũ Thị Thanh	Thư	30/10/2004	KD10A	01	9,5	11	212	Thư	
14	000046	1001020300	Vũ Thu	Thủy	23/07/2004	KD10A	01	5,0	11	214	Thủy	
15	000047	1001020309	Đỗ Quỳnh	Trang	20/08/2004	KD10A	01	4,0	19	215	Trang	
16	000048	1001020314	Nguyễn Thị	Trang	08/08/2004	KD10A	01	1,5	20	216	Trang	
17	000049	0810211236	Nguyễn Thị Thu	Trang	29/12/2002	KD10A	01	8,5	26	217	Trang	
18	000050	1001021580	Phạm Thị	Trinh	06/12/2004	KD10A	01					HP, ĐK
19	000051	1001020329	Nguyễn Thị Tố	Uyên	23/04/2004	KD10A	01	6,0	22	218	Uyên	
20	000052	1001020331	Ngô Thị Thùy	Vân	22/01/2004	KD10A	01	không	23	219	Vân	
21	000053	1001020338	Nguyễn Thị Ngọc	Vui	31/07/2004	KD10A	01	8,0	24	220	Vui	
22	000054	1001021089	Ngô Hải	Yến	24/10/2004	KD10A	01	không	25	175	Yến	
23	000055	0810210670	Trịnh Trọng	Đức	15/12/2002	KD8E	01	9,0	27	214	Đức	
24	000056	0901020412	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	28/10/2003	KD9G	01	4,0	28	223	Ngân	HP
25	000057	0901020171	Vũ Thu	Phương	10/10/2003	KD9H	01	4,0	29	222	Phương	
26	000058	1001020018	Đặng Tú	Anh	21/03/2004	KD10B	02	9,8	31	221	Anh	
27	000059	1001020472	Lương Tuấn	Anh	06/08/2004	KD10B	02	không	34	226	Anh	
28	000060	1001020045	Nguyễn Thị Phương	Anh	06/08/2004	KD10B	02	6,0	37	229	Anh	
29	000061	1001020055	Trần Thị Vân	Anh	01/11/2004	KD10B	02	5,5	35	227	Anh	
30	000062	1001020063	Phạm Thị Ngọc	Ánh	21/07/2004	KD10B	02	8,5	36	228	Ánh	
31	000063	0901020124	Nguyễn Quỳnh	Chi	10/01/2003	KD10B	02					ĐK
32	000064	1001020078	Đỗ Mạnh	Cường	09/11/2004	KD10B	02	4,0	39	230	Cường	

Tổng số sinh viên dự thi: 30

Tổng số tờ giấy thi: 30

Tổng số biên bản: 30

Cán bộ coi thi 1
Nguyễn Thị Hải Hương

Cán bộ coi thi 2
Ngày 20 tháng 6 năm 2025

Nguyễn Thị Hải Hương
Ngày 20 tháng 6 năm 2025



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tin học ứng dụng trong kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000065	1001020084	Đỗ Thị Thùy	Dung	28/03/2004	KD10B	02	5,5	01	201	Dung	
2	000066	1001021408	Cao Thị	Giang	19/10/2004	KD10B	02	7,0	02	202	Giang	
3	000067	1001020120	Dương Thị	Hiền	20/07/2004	KD10B	02	8,5	04	203	Hiền	
4	000068	1001020122	Trịnh Thị Thanh	Hiền	17/10/2002	KD10B	02	6,5	05	204	Hiền	
5	000069	1001020132	Nguyễn Đức	Hoàn	20/08/2004	KD10B	02	7,0	06	205	Hoàn	
6	000070	1001021403	Ngô Thị	Hương	24/05/2004	KD10B	02	9,5	07	206	Hương	
7	000071	1001020983	Trần Vũ Lan	Hương	25/01/2004	KD10B	02	9,0	14	208	Hương	
8	000072	1001021750	Lê Thị	Huyền	30/04/2004	KD10B	02	4,5	10	211	Huyền	
9	000073	1001021416	Nguyễn Thị Minh	Khuê	30/08/2004	KD10B	02	9,0	11	240	Khuê	
10	000074	1001020159	Đào Hoàng	Lan	15/11/2004	KD10B	02	3,0	12	209	Lan	
11	000075	1001020174	Nguyễn Nhật	Linh	08/12/2003	KD10B	02	5,0	39	224	Linh	
12	000076	1001020182	Vũ Thùy	Linh	25/08/2004	KD10B	02	9,5	16	207	Linh	
13	000077	1001020186	Nguyễn Phương	Ly	13/11/2004	KD10B	02	9,5	14	213	Ly	
14	000078	1001020192	Nguyễn Phan Thị Xuân Mai	Mai	21/12/2004	KD10B	02	9,0	18	214	Mai	
15	000079	1001020198	Phạm Thị	Mến	23/07/2004	KD10B	02	5,0	19	215	Mến	
16	000080	1001020214	Hà Trọng	Nghĩa	24/03/2003	KD10B	02	5,5	22	218	Nghĩa	
17	000081	1001020222	Trịnh Minh	Ngọc	30/06/2004	KD10B	02	7,0	09	212	Ngọc	
18	000082	1001020232	Nguyễn Tuyết	Nhi	28/09/2004	KD10B	02	8,5	24	220	Nhi	
19	000083	1001020239	Lê Hồng	Nhung	04/02/2004	KD10B	02	7,5	29	225	Nhung	
20	000084	1001020245	Vũ Hương	Oanh	20/08/2004	KD10B	02	4,0	27	226	Oanh	
21	000085	1001020252	Nhâm Trần Mai	Phuong	16/05/2003	KD10B	02	3,5	36	230	Phuong	
22	000086	1001020259	Chu Thị	Quỳnh	17/08/2004	KD10B	02	5,0	21	217	Quỳnh	
23	000087	1001021051	Phạm Như	Quỳnh	02/10/2004	KD10B	02	7,5	25	227	Quỳnh	
24	000088	1001020268	Đỗ Thanh	Tâm	20/12/2004	KD10B	02	8,0	34	224	Tâm	
25	000089	1001020273	Đinh Thị Thanh	Thảo	19/08/2004	KD10B	02	4,5	32	221	Thảo	
26	000090	1001020276	Lê Phương	Thảo	20/09/2004	KD10B	02	6,5	23	219	Thảo	
27	000091	1001021427	Nguyễn Thị	Thảo	30/05/2004	KD10B	02	7,5	38	231	Thảo	
28	000092	1001020301	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	03/06/2004	KD10B	02	9,0	30	223	Tiên	
29	000093	1001020899	Nguyễn Quỳnh Ngọc	Trần	17/12/2004	KD10B	02	4,0	20	216	Trần	
30	000094	1001020315	Nguyễn Thị Kiều	Trang	24/07/2004	KD10B	02	9,0	32	228	Trang	
31	000095	1001020316	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/08/2004	KD10B	02	8,5	35	229	Trang	

Tổng số sinh viên dự thi:.....31....

Tổng số tờ giấy thi:.....31....

Tổng số biên bản:.....0.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ngày 22 tháng 08 Năm 2025

[Signature]

Nguyễn Phương Nam

[Signature]

Phạm Thị Châu

2



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tin học ứng dụng trong kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000096	1001021080	Lê Thanh	Trúc	07/05/2004	KD10B	02	5,0	01	202	Trúc	
2	000097	1001020327	Bùi Cát	Tường	27/11/2004	KD10B	02	1,5	03	203	Tường	
3	000098	1001020330	Trịnh Thu	Uyên	01/01/2004	KD10B	02	8,5	04	204	Uyên	
4	000099	1001021444	Nguyễn Hoàng Yến	Vy	31/07/2004	KD10B	02	9,5	05	205	Vy	
5	000100	1001020345	Trịnh Thị Hải	Yến	20/07/2004	KD10B	02	8,0	07	206	Yến	
6	000101	0710211508	Trịnh Thị Thu	Khuyến	31/12/2001	KD7E	02	7,5	08	207	Khuyến	
7	000102	0901020902	Phạm Ngọc	Hà	09/10/2003	KD9D	02					ĐK
8	000103	1001020019	Đinh Thị Lan	Anh	08/04/2004	KD10C	03	7,5	09	214	Anh	
9	000104	1001020025	Hoàng Thị Mai	Anh	02/08/2004	KD10C	03	6,0	11	215	Anh	
10	000105	1001020034	Ngô Ngọc	Anh	05/12/2004	KD10C	03	5,5	13	208	Anh	
11	000106	1001020041	Nguyễn Phương	Anh	24/07/2004	KD10C	03					Vắng
12	000107	1001021425	Nguyễn Thị Phương	Anh	17/12/2004	KD10C	03	7,0	16	211	Anh	
13	000108	1001020934	Nguyễn Thị Phương	Anh	26/02/2004	KD10C	03	7,5	17	205	Anh	
14	000109	1001021405	Trịnh Ngọc	Anh	21/06/2004	KD10C	03					ĐK
15	000110	1001020062	Phạm Hồng	Ánh	19/08/2004	KD10C	03	8,0	10	213	Anh	
16	000111	1001020075	Nguyễn Thị Mai	Chi	24/09/2004	KD10C	03	4,0	15	209	Chi	
17	000112	1001020080	Hoàng Anh	Đào	24/10/2002	KD10C	03	6,0	20	216	Đào	
18	000113	1001020085	Lê Thị Thùy	Dung	05/12/2004	KD10C	03	9,0	21	217	Dung	
19	000114	1001020087	Nguyễn Thị Thanh	Dung	17/03/2004	KD10C	03	5,5	23	218	Dung	
20	000115	1001020093	Nguyễn Thị Thùy	Dương	30/05/2004	KD10C	03	8,5	27	223	Dương	
21	000116	1001020112	Bùi Thanh	Hằng	19/12/2004	KD10C	03	7,0	15	210	Hằng	
22	000117	1001020968	Đỗ Thị Thu	Hiền	22/01/2004	KD10C	03	8,5	28	222	Hiền	
23	000118	1001020123	Nguyễn Minh	Hiền	27/11/2004	KD10C	03	5,5	28	211	Minh	
24	000119	1001020141	Ngô Thu	Hương	12/03/2003	KD10C	03	9,0	31	220	Hương	
25	000120	1001020442	Nguyễn Thị Minh	Huyền	02/12/2004	KD10C	03	9,0	32	219	Huyền	
26	000121	1001021442	Đoàn Khánh	Linh	15/01/2004	KD10C	03	9,0	33	224	Linh	
27	000122	1001020168	Lê Thị Ngọc	Linh	10/11/2004	KD10C	03	4,0	22	225	Linh	
28	000123	1001021014	Trần Khánh	Ly	09/10/2004	KD10C	03	8,0	39	230	Ly	
29	000124	1001021411	Đỗ Thị Ngọc	Minh	10/08/2004	KD10C	03	4,0	26	226	Minh	
30	000125	1001020207	Nguyễn Thị Ngọc	Nam	08/04/2004	KD10C	03	8,0	37	227	Nam	
31	000126	1104020019	Nguyễn Quang	Vinh	12/10/1997	T11A_TCD	06	6,0	38	226	Vinh	ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 28

Tổng số tờ giấy thi: 28

Tổng số biên bản: 0

Ngày thi: 20 tháng 6 năm 2025
Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2

Phạm Việt Thường
Trần Thị Minh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tin học ứng dụng trong kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000106	1001020041	Nguyễn Phương	Anh	24/07/2004	KD10C	03	7,5	01	01	Anh	

Tổng số sinh viên dự thi: 01

Tổng số tờ giấy thi: 01

Tổng số biên bản: 0

Ngày 20 tháng 6 năm 2025
Cán bộ coi thi 2

Cán bộ coi thi 1

Đu

Đu

Phạm Việt Thương Nguyễn Phương Hải



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tin học ứng dụng trong kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000127	1001020040	Nguyễn Phương	Anh	18/09/2004	KD10B	02	5,0		01	Đinh	
2	000128	1001020103	Lê Thu	Hà	26/12/2004	KD10B	02					ĐK
3	000129	1001020136	Lê Mạnh	Hùng	06/11/2004	KD10B	02	Một		03	Huy	
4	000130	1001021446	Nguyễn Thị	Thoa	28/08/1999	KD10B	02	8,0		06	Thoa	
5	000131	0810210844	Bé Thu	Uyên	22/07/2002	KD10B	02	Một		02	Uyên	
6	000132	1001020133	Đường Huy	Hoàng	10/01/2004	KD10C	03	5,5		07	Hoàng	
7	000133	1001021412	Cao Thị Bích	Ngọc	20/09/2004	KD10C	03	4,0		08	Ngọc	
8	000134	1001021032	Trương Thị	Ngọc	30/07/2004	KD10C	03	6,0		09	Ngọc	HP
9	000135	1001020227	Đào Yến	Nhi	18/11/2004	KD10C	03	9,0		10	Nhi	
10	000136	1001021406	Nguyễn Tuyết	Nhi	13/12/2004	KD10C	03	10		11	Nhi	
11	000137	1001020240	Nguyễn Hồng	Nhung	31/12/2004	KD10C	03	5,0		12	Nhung	
12	000138	1001021559	Vương Minh	Phú	18/10/2004	KD10C	03	9,5		13	Phú	
13	000139	1001020846	Nguyễn Quỳnh	Phương	11/07/2004	KD10C	03	6,0		14	Phương	
14	000140	1001021049	Lưu Thị Hồng	Quỳnh	18/12/2004	KD10C	03	6,0		15	Quỳnh	
15	000141	1001021050	Lại Thị Như	Quỳnh	25/01/2004	KD10C	03	8,5		16	Quỳnh	
16	000142	0810211753	Lý Thị Thanh	Tâm	06/08/2002	KD10C	03					ĐK
17	000143	1001021407	Ngô Minh	Tâm	08/08/2004	KD10C	03					HP, ĐK
18	000144	1001021413	Nguyễn Phương	Thảo	16/06/2004	KD10C	03	6,5		17	Thảo	
19	000145	1001021058	Nguyễn Phương	Thảo	17/08/2004	KD10C	03	10		18	Thảo	
20	000146	1001021061	Phạm Phương	Thảo	26/08/2004	KD10C	03	9,0		19	Thảo	
21	000147	1001020286	Phùng Lê Phương	Thảo	17/09/2004	KD10C	03	7,0		23	Thảo	
22	000148	1001020371	Nguyễn Thị Ngọc	Thom	01/07/2004	KD10C	03	8,0		22	Thom	
23	000149	1001021066	Nguyễn Thị Hoài	Thương	18/11/2004	KD10C	03	4,0		21	Thương	
24	000150	1001021072	Nguyễn Ngọc	Trâm	28/10/2003	KD10C	03	5,0		20	Trâm	
25	000151	1001020310	Lê Thị Thùy	Trang	08/03/2004	KD10C	03	9,0		28	Trang	
26	000152	1001021575	Luận Thị	Trang	18/08/2004	KD10C	03	9,5		27	Trang	
27	000153	1001021590	Nguyễn Quỳnh	Trang	12/10/2004	KD10C	03	9,5		26	Trang	
28	000154	1001021318	Nguyễn Thị Thu	Trang	01/11/2004	KD10C	03	9,5		25	Trang	
29	000155	1001020324	Lò Hà	Trung	27/12/2004	KD10C	03	5,0		24	Trung	HP
30	000156	1001020328	Lê Ngọc Tài	Tuyển	05/02/2004	KD10C	03	10		5	Tuyển	
31	000157	1001020339	Nguyễn Thị	Xuân	13/07/2004	KD10C	03	6,5		4	Xuân	

Tổng số sinh viên dự thi: 28
Tổng số tờ giấy thi: 28
Tổng số biên bản: 3

Ngày 22 tháng 06 Năm 2025
Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Đào

Đào

Trần Thị Kim Đan

Trần Thị Kim Đan



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tin học ứng dụng trong kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000158	0901020184	Phạm Thị Bích	Ngọc	14/08/2003	KD9D	03	4,0	08	ĐỀ 1	Ngọc	
2	000159	0901040076	Lương Hoàng	Anh	26/09/2003	KD9E	03		02	ĐỀ 2	Vi	ĐK
3	000160	0901030568	Hoàng Hải	Ninh	24/09/2003	KD9E	03					ĐK
4	000161	1001020332	Đỗ Hạ	Vi	28/05/2004	KD10B	04	4,0	07	ĐỀ 2	Vi	
5	000162	1001020020	Đỗ Hải	Anh	15/12/2004	KD10D	04	9,8	06	ĐỀ 3	Anh	
6	000163	1001020026	Hoàng Thị Phương	Anh	03/02/2004	KD10D	04	9,8	05	ĐỀ 4	Anh	
7	000164	1001020035	Nguyễn Châu	Anh	11/12/2004	KD10D	04	9,5	04	ĐỀ 5	Anh	
8	000165	0901020644	Nguyễn Phương	Anh	01/12/2003	KD10D	04	9,0	03	ĐỀ 6	Anh	
9	000166	1001020047	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	17/10/2004	KD10D	04	9,0	08	ĐỀ 7	Anh	
10	000167	1001020050	Nguyễn Việt	Anh	23/08/2004	KD10D	04					HP, ĐK
11	000168	1001021133	Trần Thị Kiều	Anh	05/08/2004	KD10D	04	9,8	16	ĐỀ 13	Sinh	
12	000169	1001020056	Vũ Nguyễn Hải	Anh	15/12/2004	KD10D	04	9,5	15	ĐỀ 12	Anh	
13	000170	1001020068	Nguyễn Ngọc	Bích	30/06/2004	KD10D	04					Vắng
14	000171	1001020499	Nguyễn Thị Bảo	Chi	08/09/2004	KD10D	04	9,8	13	ĐỀ 10	Chi	
15	000172	0901020657	Phạm Linh	Chi	27/12/2003	KD10D	04	9,8	11	ĐỀ 9	Chi	
16	000173	1001021516	Nguyễn Thị Anh	Đào	13/02/2004	KD10D	04	9,0	10	ĐỀ 8	Đào	
17	000174	1001020094	Nguyễn Thuý	Dương	12/02/2004	KD10D	04	5,0	28	ĐỀ 20	Dương	
18	000175	1001021519	Nguyễn Thị Thu	Giang	18/09/2004	KD10D	04	9,5	17	ĐỀ 19	Giang	
19	000176	1001020105	Nguyễn Thị Thanh	Hà	06/06/2004	KD10D	04	9,8	14	ĐỀ 11	Hà	
20	000177	1001020964	Lê Thị Thu	Hàng	04/01/2004	KD10D	04	9,8	19	ĐỀ 18	Ly	
21	000178	1001020127	Nguyễn Phương	Hoa	22/10/2004	KD10D	04	6,5	20	ĐỀ 17	Hoa	
22	000179	1001020137	Đinh Lê Quốc	Hưng	03/06/2004	KD10D	04	9,5	22	ĐỀ 16	Hưng	
23	000180	1001020979	Nguyễn Lan	Hương	25/12/2004	KD10D	04	9,0	23	ĐỀ 15	Hương	
24	000181	1001021419	Nguyễn Thị Diệu	Hương	29/07/2004	KD10D	04	8,0	24	ĐỀ 14	Hương	
25	000182	1001021098	Đỗ Quang	Huy	18/12/2002	KD10D	04	9,5	31	ĐỀ 25	Huy	
26	000183	1001020150	Nguyễn Thị Thu	Huyền	18/02/2004	KD10D	04	9,8	29	ĐỀ 24	Huyền	
27	000184	1001020153	Trần Quang	Khôi	21/11/2004	KD10D	04	5,0	27	ĐỀ 21	Khôi	HP
28	000185	1001020155	Lê Thị Vân	Kiều	06/08/2004	KD10D	04	9,8	26	ĐỀ 22	Kiều	
29	000186	1001020999	Đỗ Diệu	Linh	24/10/2004	KD10D	04	9,0	25	ĐỀ 23	Linh	
30	000187	1001020169	Lê Thị Thùy	Linh	26/12/2004	KD10D	04	9,5	29	ĐỀ 26	Linh	
31	000188	1001020176	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/01/2004	KD10D	04	9,5	26	ĐỀ 27	Linh	

Tổng số sinh viên dự thi: 27
Tổng số tờ giấy thi: 27
Tổng số biên bản: 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ngày: 29 tháng 06 Năm 2025
Gõ i-Thu Hương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tin học ứng dụng trong kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000189	1001020181	Trịnh Thùy	Linh	17/04/2004	KD10D	04	2,5	05	04	Linh	
2	000190	1001021010	Đỗ Ngọc Hương	Ly	25/09/2004	KD10D	04	5,0	12	03	Ly	
3	000191	1001020187	Dương Ngọc	Mai	31/05/2004	KD10D	04	5,5	07	06	Mai	
4	000192	1001020195	Tạ Ngọc	Mai	14/08/2004	KD10D	04	9,0	10	11	Mai	
5	000193	1001020199	Nguyễn Chiêu	Minh	08/07/2004	KD10D	04	5,0	33	26		
6	000194	1001021023	Nông Hoàng	Nam	18/04/2004	KD10D	04	9,0	02	02	Nam	HP
7	000195	1001020216	Lê Thị Bích	Ngọc	15/03/2004	KD10D	04	6,0	11	10	Ngoc	
8	000196	1001021614	Nguyễn Thị Ánh	Nguyễn	02/12/2004	KD10D	04	Mười	09	12	Nguyễn	
9	000197	1001020228	Đinh Yến	Nhi	03/02/2004	KD10D	04	3,0	35	27	Nhi	
10	000198	1001020233	Nguyễn Yến	Nhi	28/11/2004	KD10D	04					HP
11	000199	1001021121	Hoàng Hồng	Nhung	01/12/2004	KD10D	04	8,0	27	25	Nhung	
12	000200	1001020241	Nguyễn Thị	Nhung	22/10/2003	KD10D	04	7,0	28	24	Nhung	
13	000201	1001021122	Ngô Thị Kim	Oanh	13/05/2004	KD10D	04	9,0	01	01	Oanh	
14	000202	1001020248	Đinh Thị Quỳnh	Phuong	25/10/2003	KD10D	04	7,5	18	14	Phuong	
15	000203	1001021046	Nguyễn Thị Ánh	Phuong	10/02/2004	KD10D	04	8,5	19	15	Phuong	
16	000204	1001020260	Nguyễn Thị	Quyen	02/11/2004	KD10D	04	9,5	36	28	Quyen	
17	000205	1001020269	Vũ Hồng	Thái	11/07/2004	KD10D	04	9,5	32	20	Thai	
18	000206	1001020278	Nguyễn Phương	Thảo	12/11/2004	KD10D	04	Mười	30	22	Thao	
19	000207	1001021439	Nguyễn Thạch	Thảo	03/07/2004	KD10D	04	Mười	31	21	Thao	
20	000208	1001020290	Phạm Thị	Thom	19/02/2004	KD10D	04	Mười	29	23	Thom	
21	000209	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	04	7,0	30	30	Thuy	
22	000210	1001020306	Nguyễn Thị Minh	Trâm	21/09/2004	KD10D	04	5,0	22	18	Tram	
23	000211	1001020317	Nguyễn Thị Thùy	Trang	05/09/2004	KD10D	04	8,0	74	17	Trang	
24	000212	1001020325	Lương Thị Ngọc	Tú	30/12/2004	KD10D	04	8,5	14	08	Tu	
25	000213	1001020334	Đặng Ngọc	Vinh	22/08/2004	KD10D	04	8,5	16	07	Vinh	
26	000214	1001021086	Nguyễn Thị	Xuân	23/06/2004	KD10D	04	9,5	37	29	Xuan	
27	000215	0901020068	Hà Huyền	Linh	16/01/2003	KD9M	04	2,5	20	16	Linh	
28	000216	0901020790	Vũ Mai	Phuong	24/06/2003	KD9M	04	5,0	06	05	Phuong	
29	000217	1001020021	Đỗ Phương	Anh	04/11/2004	KD10E	05	9,0	17	13	Anh	
30	000218	1001020029	Lê Quỳnh	Anh	24/11/2003	KD10E	05	8,0	23	19	Anh	
31	000219	1001020036	Nguyễn Hà	Anh	14/12/2004	KD10E	05	8,0	04	03	Anh	

Tổng số sinh viên dự thi: 30....

Tổng số tờ giấy thi: 30....

Tổng số biên bản: 30....

Ngày 10 tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Mai
Phạm Thị Thanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tin học ứng dụng trong kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000220	1001020042	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/09/2004	KD10E	05	9,3	03	02	Anh	
2	000221	1001021102	Nguyễn Thị Thảo	Anh	09/10/2004	KD10E	05	7,0	04	03	Anh	
3	000222	1001020051	Nguyễn Việt	Anh	14/04/2003	KD10E	05				Vàng	
4	000223	1001020057	Vũ Thảo	Anh	12/02/2004	KD10E	05	2,0	05	04	Anh	
5	000224	0901020186	Ngô Thị Ngọc	Ánh	07/04/2003	KD10E	05	3,0	07	05	Anh	
6	000225	1001020060	Nguyễn Thị	Ánh	23/11/2004	KD10E	05	8,5	08	06	Anh	
7	000226	1001020088	Tạ Thùy	Dung	02/03/2004	KD10E	05	9,5	09	13	Dung	
8	000227	1001020095	Nguyễn Thùy	Dương	14/11/2004	KD10E	05	2,0	10	12	Dương	
9	000228	1001020113	Dương Thanh	Hằng	04/02/2004	KD10E	05	9,5	11	11	Hằng	
10	000229	1001020116	Lê Thị	Hạnh	29/09/2004	KD10E	05	5,5	13	10	Hạnh	
11	000230	1001020117	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	06/02/2004	KD10E	05	8,5	14	09	Hạnh	
12	000231	1001020972	Trương Thị Hồng	Hoa	01/11/2004	KD10E	05	8,5	15	08	Hoa	
13	000232	1001020789	Trịnh Thị	Huế	11/11/2004	KD10E	05	5,5	16	07	Huế	
14	000233	1001020139	Đường Thị	Hương	08/02/2004	KD10E	05	9,0	17	15	Hương	
15	000234	1001020151	Nguyễn Thu	Huyền	18/04/2004	KD10E	05	9,5	20	14	Huyền	
16	000235	1001020156	Vũ Thị	Lam	05/10/2004	KD10E	05	7,0	21	16	Lam	
17	000236	1001020997	Trần Thị Hương	Lan	08/05/2004	KD10E	05	8,5	22	17	Lan	
18	000237	1001020163	Đỗ Thị	Linh	31/03/2004	KD10E	05	8,0	23	18	Linh	HP
19	000238	1001020601	Lưu Thùy	Linh	17/09/2004	KD10E	05	5,5	24	24	Thùy	
20	000239	1001021421	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/02/2004	KD10E	05	9,0	27	23	Anh	
21	000240	1001021549	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/07/2004	KD10E	05	9,0	28	22	Linh	
22	000241	1001021012	Hoàng Hương	Ly	02/12/2004	KD10E	05	2,5	29	21	Ly	
23	000242	1001020189	Lê Ngọc	Mai	29/06/2004	KD10E	05	9,5	19	20	Mai	
24	000243	1001021424	Trần Ngọc	Mai	29/02/2004	KD10E	05	9,0	32	19	Mai	
25	000244	1001020200	Nguyễn Đức	Minh	28/02/2004	KD10E	05	9,0	33	25	Minh	
26	000245	1001020217	Lê Yến	Ngọc	17/12/2004	KD10E	05	5,5	30	24	Ngọc	
27	000246	1001020223	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	05/12/2004	KD10E	05	9,5	25	25	Nguyệt	
28	000247	1001020234	Phùng Yến	Nhi	06/09/2004	KD10E	05	8,0	26	26	Nhi	
29	000248	1001021039	Phan Thị Hồng	Nhung	14/05/2004	KD10E	05	9,0	27	27	Nhung	
30	000249	1001021042	Dương Thanh	Phuong	16/09/2004	KD10E	05	8,5	38	28	Phuong	
31	000250	1001021560	Nguyễn Thùy	Phuong	07/08/2004	KD10E	05	7,0	39	29	Phuong	

Tổng số sinh viên dự thi: 30
Tổng số tờ giấy thi: 30
Tổng số biên bản: 2

Cán bộ coi thi 1

Qu

Ngày 20 tháng 5 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Tr

Thần Việt Phương Nguyễn Phương Hoa



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tin học ứng dụng trong kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000251	1001020253	Phạm Thị Thu	Phương	28/02/2004	KD10E	05	5,5	01	01	Phường	
2	000252	1001021418	Nguyễn Hồng	Son	15/11/2004	KD10E	05	3,0	02	02	Son	
3	000253	1001020270	Đỗ Phương	Thanh	07/10/2004	KD10E	05	6,0	04	03	Thanh	
4	000254	1001020282	Nguyễn Thanh	Thảo	28/08/2004	KD10E	05	8,0	05	04	Thảo	
5	000255	1001021063	Trịnh Thu	Thảo	12/11/2002	KD10E	05	8,0	06	29	Thảo	
6	000256	1001021572	Phan Thị	Thom	29/12/2003	KD10E	05	5,0	24	18	Thom	
7	000257	1001020299	Phạm Thị	Thùy	18/06/2004	KD10E	05					HP,ĐK
8	000258	1001020307	Bùi Thị Huyền	Trang	19/06/2004	KD10E	05	4,0	09	06	Trang	
9	000259	1001020318	Nguyễn Thu	Trang	26/06/2004	KD10E	05	9,0	10	07	Trang	
10	000260	1001020321	Phan Minh	Trang	31/10/2004	KD10E	05	9,5	11	08	Trang	
11	000261	1001021320	Trần Đặng Kiều	Trang	08/07/2004	KD10E	05	9,5	12	09	Trang	
12	000262	1001021579	Vũ Thị Kiều	Trang	15/01/2004	KD10E	05	9,0	13	10	Trang	
13	000263	1001020322	Vũ Thu	Trang	12/06/2004	KD10E	05	9,0	14	11	Trang	
14	000264	1001021581	Ngô Anh	Tú	24/10/2004	KD10E	05	9,5	15	12	Tú	
15	000265	1001021082	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	22/09/2004	KD10E	05	5,0	07	30	Tuyết	
16	000266	1001020335	Đình Quang	Vinh	11/02/2004	KD10E	05	3,0	18	14	Vinh	
17	000267	1001020340	Trần Thị Hương	Xuân	09/08/2004	KD10E	05	8,5	19	15	Xuân	
18	000268	1001020022	Đỗ Quốc	Anh	28/02/2004	KD10G	06	5,0	20	46		
19	000269	1001021417	Lưu Thị Quỳnh	Anh	17/08/2004	KD10G	06	9,5	08	05	Anh	
20	000270	1001020037	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2004	KD10G	06	4,0	17	13	Anh	
21	000271	1001020048	Nguyễn Thị Vân	Anh	26/01/2004	KD10G	06	8,0	25	23	Anh	
22	000272	1001020485	Nông Thị Thực	Anh	23/08/2004	KD10G	06	9,0	26	22	Anh	
23	000273	1001020058	Chu Thị	Ánh	26/09/2004	KD10G	06	4,0	27	21	Anh	
24	000274	1001020065	Trần Ngọc	Ánh	17/09/2004	KD10G	06	Nếu	29	20	Ánh	
25	000275	1001020070	Nguyễn Như	Bình	10/11/2004	KD10G	06	6,0	30	19	Bình	
26	000276	1001020074	Nguyễn Thị Khánh	Chi	19/11/2004	KD10G	06	8,5	22	17	Chi	
27	000277	1001020947	Nguyễn Thị Lệ	Chi	05/07/2004	KD10G	06	9,0	29	28	Chi	
28	000278	1001020950	Đặng Ngọc	Diễm	21/12/2004	KD10G	06	9,0	34	25	Diễm	
29	000279	1001020091	Phạm Quang	Dũng	25/11/2004	KD10G	06	9,0	36	27	Dũng	
30	000280	1001020955	Đặng Thùy	Dương	21/04/2004	KD10G	06	8,0	35	26	Dương	
31	000281	1001020960	Phạm Hương	Giang	20/05/2004	KD10G	06	5,0	33	24	Giang	

Tổng số sinh viên dự thi: 30

Tổng số tờ giấy thi: 30

Tổng số biên bản: 0

Ngày 22. tháng 6. Năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Cán bộ coi thi 1

Trần Thị Lâm Đan h
Đoàn Thị Huệ



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
- QUẢN TRỊ KINH DOANH

Học phần: Tin học ứng dụng trong kế toán

Tổng số sinh viên dự thi:.....31....
 Tổng số tờ giấy thi:.....31....
 Tổng số biên bản:.....3....

Ngày 22. tháng 6. Năm 2016
Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Châu. Bà. Chi. Hôn nhân



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tin học ứng dụng trong kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000313	1001020451	Nguyễn Thùy	Trang	29/02/2004	KD10G	06	8,5	04	01	Khang	
2	000314	1001021582	Trần Ngọc	Tuấn	08/03/2004	KD10G	06	8,0	02	02	Trần	
3	000315	1001021583	Trần Thị Ánh	Tuyết	11/08/2004	KD10G	06	9,5	04	03	Tuyết	
4	000316	1001021084	Đặng Thị Thảo	Vân	21/06/2004	KD10G	06	5,0	9	7	Vân	
5	000317	1001021088	Nguyễn Thị Như	Ý	01/06/2004	KD10G	06	9,0	10	06	Ý	
6	000318	1104020002	Trần Thị Minh	Đức	04/10/1992	LT11A	06	8,5	11	05	Đức	
7	000319	1103021395	Nguyễn Thị Phương	Oanh	15/04/2005	T11A_TCD	06	9,0	35	23	Oanh	
8	000320	1001020023	Đỗ Văn	Anh	23/12/2003	KD10H	07					ĐK
9	000321	1001020032	Lê Thị Quỳnh	Anh	30/12/2004	KD10H	07	9,8	12	04	Anh	
10	000322	1001020043	Nguyễn Thị Minh	Anh	20/10/2004	KD10H	07	6,0	20	11	Anh	
11	000323	1001020061	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	24/07/2004	KD10H	07	9,5	19	10	Anh	
12	000324	1001020896	Trương Minh	Châu	20/08/2004	KD10H	07	6,0	18	09	Chau	
13	000325	1001021422	Nghiêm Quỳnh	Chi	29/02/2004	KD10H	07	4,0	17	08	Chi	
14	000326	1001020082	Vũ Thị	Dịu	10/07/2004	KD10H	07	9,8	28	20	Dịu	
15	000327	1001020099	Nguyễn Thị Hương	Giang	08/10/2004	KD10H	07	9,8	36	22	Giang	
16	000328	1001020100	Nguyễn Thu	Giang	21/11/2003	KD10H	07	1,3	33	24	Giang	
17	000329	1001021521	Trần Ngọc	Hà	08/04/2004	KD10H	07	9,5	06	13	Hà	
18	000330	1001020119	Nguyễn Thị	Hậu	12/12/2004	KD10H	07	9,5	07	14	Hậu	
19	000331	1001020553	Nguyễn Thúy	Hiền	09/07/2004	KD10H	07	6,0	24	16	Hiền	
20	000332	1001020129	Trần Thu	Hoài	17/03/2004	KD10H	07	8,0	22	17	Hoài	
21	000333	1001021533	Trần Thị	Huệ	26/03/2004	KD10H	07	6,0	23	18	Huệ	
22	000334	1001020978	Hà Thị Thu	Hương	28/09/2004	KD10H	07	9,0	24	19	Hương	
23	000335	1001020142	Nguyễn Thị Xuân	Hương	05/08/2004	KD10H	07	7,5	32	30	Hương	
24	000336	1001020143	Tạ Thị	Hương	07/07/2004	KD10H	07	7,0	30	29	Hương	
25	000337	1001020148	Lê Khánh	Huyền	16/09/2004	KD10H	07	9,8	5	12	Huyền	
26	000338	1001020990	Trần Thị	Huyền	26/07/2002	KD10H	07	8,5	29	28	Huyền	
27	000339	1001020165	Đoàn Ngọc	Linh	04/03/2004	KD10H	07	9,0	39	25	Linh	
28	000340	1001020171	Nguyễn Hà	Linh	08/04/2004	KD10H	07	9,0	37	26	Linh	
29	000341	1001020173	Nguyễn Ngọc	Linh	21/11/2003	KD10H	07	4,0	27	21	Linh	
30	000342	1001020172	Nguyễn Ngọc	Linh	24/11/2004	KD10H	07	8,0	40	27	Linh	

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 0

Ngày thi: 29 tháng 6...
Cán bộ coi thi 1

Năm 2024-2025
Cán bộ coi thi 2

Nguyễn T. Phan

Nguyễn T. Thu Thưởng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tin học ứng dụng trong kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000343	0901030105	Bùi Minh	Nghĩa	23/12/2003	KD10C	03	7,5	01	01	Nghĩa	
2	000344	1001021006	Nguyễn Thùy	Linh	25/10/2004	KD10H	07	8,5	03	02	Linh	
3	000345	1001020621	Lê Thị Thảo	Ly	03/02/2004	KD10H	07	8,5	04	03	Ly	
4	000346	1001020191	Nguyễn Ngọc	Mai	09/08/2004	KD10H	07	6,5	05	04	Mai	
5	000347	1001020194	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	11/08/2004	KD10H	07	7,0	07	05	Mai	
6	000348	1001020201	Vũ Quang	Minh	21/01/2004	KD10H	07	7,0	08	06	Minh	
7	000349	1001020208	Trần Thành	Nam	14/01/2004	KD10H	07	7,5	09	13	Nam	
8	000350	1001021026	Đỗ Thị	Ngân	09/10/2004	KD10H	07	7,5	10	12	Ngân	
9	000351	1001021029	Nguyễn Minh	Ngọc	15/11/2004	KD10H	07	9,0	11	11	Ngọc	
10	000352	1001020230	Lã Yến	Nhi	14/03/2004	KD10H	07	3,5	13	07	Nhi	
11	000353	1001020653	Bùi Thị	Nhung	09/09/2004	KD10H	07	7,0	14	08	Nhung	
12	000354	1001020249	Lê Thị Thu	Phuong	12/08/2004	KD10H	07	7,5	15	09	Phuong	
13	000355	1001021045	Nguyễn Thị	Phuong	20/04/2004	KD10H	07	9,5	16	10	Phuong	
14	000356	1001020254	Trương Thu	Phuong	25/10/2004	KD10H	07	3,5	17	14	Phuong	
15	000357	1001021053	Lê Anh	Tài	28/09/2004	KD10H	07	9,0	19	15	Tài	
16	000358	1001020274	Đỗ Thị Thu	Thảo	14/11/2004	KD10H	07	9,5	21	16	Thảo	
17	000359	1001020281	Nguyễn Phương	Thảo	14/09/2004	KD10H	07	5,5	22	17	Thảo	
18	000360	1001021060	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/07/2004	KD10H	07	5,0	23	18	Thảo	
19	000361	1001021731	Phạm Thị Phương	Thảo	11/03/2004	KD10H	07	6,5	24	19	Thảo	
20	000362	1001021308	Huỳnh Thị Thanh	Thư	08/10/2004	KD10H	07	9,0	25	27	Thư	
21	000363	1001021447	Đỗ Lê Minh	Trang	25/05/2004	KD10H	07	5,5	27	26	Trang	
22	000364	1001020313	Nguyễn Quỳnh	Trang	28/09/2004	KD10H	07	7,5	28	25	Trang	
23	000365	1001021428	Hoàng Mỹ	Uyên	04/12/2004	KD10H	07	6,0	29	20	Uyên	
24	000366	1001020337	Nguyễn Trường	Vũ	24/05/2004	KD10H	07	6,0	31	21	Vũ	
25	000367	1001020342	Nguyễn Thị	Yên	22/02/2004	KD10H	07	3,5	33	28	Yên	
26	000368	0901020563	Vũ Thị Bích	Hào	01/01/2003	KD9B	07	7,0	36	29	Hào	
27	000369	0901020202	Đào Ngọc	Anh	09/10/2003	KD9G	07	5,0	37	24	Anh	HP
28	000370	0901020161	Đinh Thị	Trang	14/03/2003	KD9G	07	1,5	38	23	Trang	
29	000371	0901030547	Đinh Thu	Trà	17/12/2003	QT9C	07	9,0	39	22	Trà	

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Ngày 20... tháng 5... Năm 2025

Tổng số tờ giấy thi: 29

Cán bộ coi thi 1

Tổng số biên bản: 29

Cán bộ coi thi 2

Ph

Phạm Việt Phương

Phạm T. T. Hương



20/6

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

(Thi ghép do hoãn thi học kỳ hè năm học 2023-2024)

Học phần: Tài học ứng dụng trong kế toán

Số máy: 15

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000372	0810211729	Ngô Thanh	Thảo	18/03/2002	KD8A			90	13	Phải	15

Tổng số sinh viên dự thi: 01

Tổng số tờ giấy thi: 01

Tổng số biên bản: 0

Ngày 20 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Cán bộ coi thi 1

ĐH

Tham gia Trường Phạm T.T. Hùng